

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1697/TTr-SVHTTDL ngày 23 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung các bước tiếp nhận, chuyển kết quả giải quyết và trả kết quả của Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: Di sản; Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; Nghệ thuật biểu diễn; Văn hóa; Quảng cáo; Gia đình; Điện ảnh; Thi đua - khen thưởng; Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa; Hợp tác quốc tế; Du lịch; Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử; Báo chí; Xuất bản, in và phát hành; Thông tin đối ngoại thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ban hành tại Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (có *Phụ lục Quy trình nội bộ kèm theo*).

2. Các nội dung khác của Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tương ứng tiếp tục thực hiện theo các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024; Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024; Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024; Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024; Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024; Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025; Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025; Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025; Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025.

3. Đối với hồ sơ thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến thì Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã thực hiện cung cấp thông tin, ưu tiên hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, giám sát và thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm soát việc chấp hành Quy trình nội bộ, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất xử lý trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đề thiết lập lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (*thực hiện*);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (*để báo cáo*);
- Chủ tịch UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Phòng Khoa giáo văn xã;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Cổng TTĐT tỉnh (*công khai*);
- Lưu: VT, TTHC.LTLH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc

Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI
QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
I	Lĩnh vực Di sản văn hóa		
1	2.001631.000.0 0.00.H48	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Cấp tỉnh
2	2.001613.000.0 0.00.H48	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	Cấp tỉnh
3	1.003793.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Cấp tỉnh
4	1.003738.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Cấp tỉnh
5	1.001106.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	Cấp tỉnh
6	1.001123.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	Cấp tỉnh
7	1.001822.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Cấp tỉnh
8	1.002003.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Cấp tỉnh
9	1.003901.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Cấp tỉnh
10	2.001641.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Cấp tỉnh
11	2.001591.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Cấp tỉnh
12	1.013456.H48	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Cấp tỉnh
13	1.003838.000.0 0.00.H48	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Cấp tỉnh
II	Lĩnh vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm		
14	1.001833.000.0	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác	Cấp

	0.00.H48	tác phẩm mỹ thuật	tỉnh
15	1.001809.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Cấp tỉnh
16	1.001778.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Cấp tỉnh
17	1.001755.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Cấp tỉnh
18	1.001738.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Cấp tỉnh
19	1.001704.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	Cấp tỉnh
20	1.001671.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	Cấp tỉnh
21	1.001229.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Cấp tỉnh
22	1.001211.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Cấp tỉnh
23	1.001191.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Cấp tỉnh
24	1.001182.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Cấp tỉnh
25	1.001147.000.0 0.00.H48	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Cấp tỉnh
26	2.001496.000.0 0.00.H48	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Cấp tỉnh
III	Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn		
27	1.009399.000.0 0.00.H48	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Cấp tỉnh
28	1.009403.000.0 0.00.H48	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Cấp tỉnh
29	1.009398.000.0 0.00.H48	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Cấp tỉnh
30	1.009397.000.0	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn	Cấp

	0.00.H48	quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	tỉnh
IV	Lĩnh vực Văn hóa		
31	1.003676.000.0 0.00.H48	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Cấp tỉnh
32	1.003654.000.0 0.00.H48	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Cấp tỉnh
V	Lĩnh vực Quảng cáo		
33	1.004650.000.0 0.00.H48	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Cấp tỉnh
34	1.004645.000.0 0.00.H48	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Cấp tỉnh
35	1.004639.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
36	1.004662.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
37	1.004666.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
VI	Lĩnh vực Gia đình		
38	1.012080.H48	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Cấp tỉnh
39	1.012081.H48	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Cấp tỉnh
40	1.012082.H48	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Cấp tỉnh
VII	Lĩnh vực Điện ảnh		
41	1.011454.H48	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Cấp tỉnh
VIII	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng		
42	1.001376.H48	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Cấp tỉnh
43	1.001108.H48	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Cấp tỉnh
44	1.001032.H48	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”	Cấp

		trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	tỉnh
45	1.000971.H48	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Cấp tỉnh
46	1.000871.H48	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	Cấp tỉnh
47	1.000564.H48	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	Cấp tỉnh
IX	Lĩnh vực Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa		
48	1.003784.000.0 0.00.H48	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Cấp tỉnh
X	Lĩnh vực Hợp tác quốc tế		
49	1.006412.H48	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
50	1.001082.H48	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
51	1.001091.H48	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
XI	Lĩnh vực Du lịch		
52	2.001628.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Cấp tỉnh
53	2.001616.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Cấp tỉnh
54	2.001622.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Cấp tỉnh
55	2.001611.000.0 0.00.H48	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Cấp tỉnh
56	2.001589.000.0 0.00.H48	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	Cấp tỉnh
57	1.003742.000.0 0.00.H48	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Cấp tỉnh
58	1.001837.000.0 0.00.H48	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Cấp tỉnh
59	1.004605.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Cấp tỉnh

60	1.003717.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Cấp tỉnh
61	1.003240.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Cấp tỉnh
62	1.003275.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Cấp tỉnh
63	1.005161.000.0 0.00.H48	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Cấp tỉnh
64	1.003002.000.0 0.00.H48	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Cấp tỉnh
65	1.001440.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Cấp tỉnh
66	1.004628.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Cấp tỉnh
67	1.004623.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Cấp tỉnh
68	1.001432.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Cấp tỉnh
69	1.004614.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Cấp tỉnh
70	1.004528.000.0 0.00.H48	Thủ tục công nhận điểm du lịch	Cấp tỉnh
71	1.003490.000.0 0.00.H48	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Cấp tỉnh
72	1.004551.000.0 0.00.H48	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Cấp tỉnh
73	1.004503.000.0 0.00.H48	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Cấp tỉnh
74	1.001455.000.0 0.00.H48	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Cấp tỉnh
75	1.004580.000.0 0.00.H48	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Cấp tỉnh
76	1.004572.000.0	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn	Cấp

	0.00.H48	uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	tỉnh
XII	Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		
77	2.001098.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cấp tỉnh
78	1.005452.000.0 0.00.H48	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cấp tỉnh
79	2.001091.000.0 0.00.H48	Thủ tục gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cấp tỉnh
80	2.001087.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cấp tỉnh
81	1.002001.H48	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Cấp tỉnh
82	1.001976.H48	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Cấp tỉnh
83	2.002738.H48	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Cấp tỉnh
84	1.001988.H48	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Cấp tỉnh
85	1.004508.H48	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Cấp tỉnh
86	2.002739.H48	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Cấp tỉnh
87	2.002740.H48	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Cấp tỉnh
88	2.002772.H48	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Cấp tỉnh
89	2.002773.H48	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Cấp tỉnh
90	2.002774.H48	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Cấp tỉnh
91	1.003384.000.0 0.00.H48	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Cấp tỉnh
92	2.001765.000.0 0.00.H48	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Cấp tỉnh
XIII	Lĩnh vực Báo chí		
93	1.009374.000.0 0.00.H48	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Cấp tỉnh
94	1.009386.000.0 0.00.H48	Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Cấp tỉnh

95	2.001171.000.0 0.00.H48	Thủ tục cho phép hợp báo (trong nước)	Cấp tỉnh
96	2.001173.000.0 0.00.H48	Thủ tục cho phép hợp báo (nước ngoài)	Cấp tỉnh
XIV	Lĩnh vực Xuất bản, in và phát hành		
97	1.003868.000.0 0.00.H48	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Cấp tỉnh
98	2.001594.000.0 0.00.H48	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Cấp tỉnh
99	2.001584.000.0 0.00.H48	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Cấp tỉnh
100	1.003729.000.0 0.00.H48	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Cấp tỉnh
101	2.001564.000.0 0.00.H48	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Cấp tỉnh
102	1.004153.000.0 0.00.H48	Cấp giấy phép hoạt động in	Cấp tỉnh
103	2.001744.000.0 0.00.H48	Cấp lại giấy phép hoạt động in	Cấp tỉnh
104	2.001740.000.0 0.00.H48	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	Cấp tỉnh
105	2.001737.000.0 0.00.H48	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Cấp tỉnh
106	1.003725.000.0 0.00.H48	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Cấp tỉnh
107	1.003483.000.0 0.00.H48	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Cấp tỉnh
108	1.003114.000.0 0.00.H48	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Cấp tỉnh
109	1.008201.000.0 0.00.H48	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Cấp tỉnh
110	1.013698.H48	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Cấp tỉnh
111	1.013699.H48	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Cấp tỉnh
112	1.013700.H48	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Cấp tỉnh
XV	Lĩnh vực Thông tin đối ngoại		

113	1.003888.H48	Thủ tục chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Cấp tỉnh
XVI	Lĩnh vực Văn hóa		
114	1.003622.000.0 0.00.H48	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Cấp xã
XVII	Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		
115	1.013792.H48	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Cấp xã

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

1. Bổ sung “Bước 1a. Tiếp nhận phi địa giới” vào trước “Bước 1. Nộp hồ sơ”:

Lưu ý: Trường hợp thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính thì thực hiện bước này (Bước 1a) và chuyển đến Bước 2 kế tiếp (không thực hiện Bước 1. Nộp hồ sơ).

- Nội dung công việc:

+ Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ (ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả) và gửi Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

+ Thực hiện thu phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) đối với các thủ tục yêu cầu nghĩa vụ tài chính trước khi giải quyết.

+ Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Hệ thống.

+ Thực hiện sao chụp, số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do từ chối theo quy định của pháp luật.

+ Chuyển ngay hồ sơ điện tử về các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết qua dịch vụ bưu chính theo quy định.

+ Đồng thời, chuyển thông tin về hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của cơ quan có thẩm quyền để giám sát, đôn đốc.

- Đơn vị/người thực hiện: Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ; các mẫu phiếu, giấy tờ liên quan theo quy định.

2. Tại Bước. Phát hành và chuyển kết quả giải quyết: Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của người/đơn vị phát hành kết quả giải quyết thực hiện việc chuyển kết quả giải quyết (*hồ sơ kèm theo theo quy định nếu có*) đến cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc chuyển theo dịch vụ bưu chính đến địa điểm công dân đăng ký để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

3. Bổ sung “Bước cuối. Trả kết quả phi địa giới”:

- Nội dung công việc:

- + Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.
- + Thực hiện thu phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) đối với các thủ tục yêu cầu nghĩa vụ tài chính sau khi giải quyết.
- + Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu phiếu theo quy định (nếu có).
- + Thu lại các mẫu phiếu, giấy tờ theo quy định (nếu có), gửi lại cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục hành chính hoặc lưu trữ theo quy định.
- + Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.
- + Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử.
- Đơn vị/người thực hiện: Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân.
- Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.
- Kết quả thực hiện: Hồ sơ; các mẫu phiếu, giấy tờ liên quan theo quy định./